

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 11/05/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28212739839	Đặng Công An	06/11/2004	Đà Nẵng	31SSC9	9,0	8,8	Đạt	
2	28204949565	Hoàng Thị Bình An	15/07/2004	Quảng Trị	31SSC9	9,0	5,0	Đạt	
3	28204953952	Trương Thị Mỹ An	15/04/2004	Quảng Trị	31SSC9	8,7	5,3	Đạt	
4	29217257420	Nguyễn Đình Anh	27/08/2005	Thanh Hóa	31TYC17	7,7	7,3	Đạt	
5	28212705926	Nguyễn Quang Nam Anh	26/04/2004	Huế	31TYC17	6,0	5,5	Đạt	
6	27207539095	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	24/06/2003	Quảng Nam	31TSC16	8,3	5,0	Đạt	
7	29206662234	Phạm Lan Anh	24/02/2005	Đắk Lắk	31TYC17	9,7	6,8	Đạt	
8	27208780040	Trần Lê Hoàng Anh	24/08/2002	Đà Nẵng	31SSC9	7,7	9,0	Đạt	
9	29217252597	Trần Nguyễn Tú Anh	16/11/2005	Nghệ An	31TYC17	8,7	7,5	Đạt	
10	29214134892	Cao Hữu Ánh	11/12/2005	Quảng Trị	31TYC17	8,3	6,5	Đạt	
11	27217544891	Lê Ngọc Tân Châu	02/09/2003	Đà Nẵng	31THT8	9,7	6,5	Đạt	
12	29212543324	Hứa Trần Quốc Cường	25/12/2005	Quảng Nam	31TYC17	8,0	2,5	Không Đạt	
13	28216650174	Lê Văn Cường	10/01/2004	Quảng Trị	31TYC15	5,3	3,5	Không Đạt	
14	28218102684	Ngô Văn Cường	02/09/2004	Đà Nẵng	31THT18	9,0	6,3	Đạt	
15	29207255381	Đặng Thị Ngọc Diễm	11/06/2005	Huế	31TYC17	9,0	6,0	Đạt	
16	28204920744	Huỳnh Mai Kiều Diễm	19/12/2004	Đắk Lắk	31TSC16	10,0	7,5	Đạt	
17	28212303057	Trần Minh Độ	23/01/2004	Phú Yên	31SSC9	5,7	6,3	Đạt	
18	29214620102	Hoàng Đức Dũng	28/07/2005	Quảng Ngãi	31TYC17	6,7	5,5	Đạt	
19	28209447522	Hoàng Thị Kỳ Duyên	25/09/2003	Gia Lai	31TSC16	7,7	5,3	Đạt	
20	29204556370	Nguyễn Ngọc Phương Duyên	20/08/2005	Đà Nẵng	31TSC16	8,0	5,0	Đạt	
21	28208153521	Y- Gonh	20/12/2003	Gia Lai	31TSC16	7,0	3,3	Không Đạt	
22	28204628773	Nguyễn Thị Diệu Hà	15/12/2004	Đà Nẵng	31SSC9	9,3	5,0	Đạt	
23	29207255385	Trần Thị Việt Hà	16/12/2005	Kon Tum	31TYC17	8,3	8,3	Đạt	
24	29208248331	Nguyễn Thị Ngọc Hân	24/04/2005	Quảng Nam	31CHT11	8,0	5,0	Đạt	
25	28206653212	Đỗ Thị Minh Hằng	31/08/2004	Nam Định	31TYC17	8,3	3,4	Không Đạt	
26	28206704108	Đặng Thị Hiền	29/12/2003	Huế	31TYC17	9,0	5,3	Đạt	
27	28208034537	Huỳnh Thị Thu Hiền	28/04/2004	Gia Lai	31TSC16	6,3	5,0	Đạt	
28	28218206669	Phùng Thị Hoa	22/03/2004	Gia Lai	31TSC16	6,0	5,0	Đạt	
29	29217354669	Đặng Đức Hoàng	15/01/2005	Thanh Hóa	31TSC16	9,3	5,0	Đạt	
30	29214152680	Nguyễn Quốc Hoàng	26/05/2005	Quảng Ngãi	31SSC9	6,3	5,0	Đạt	
31	28208400888	Hoàng Thị Huệ	10/01/2004	Đắk Nông	31CHT6	7,3	5,5	Đạt	
32	29217330523	Châu Quốc Hưng	07/11/2005	Gia Lai	31TSC16	8,7	5,0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28204602266	Đỗ Thị Hương	15/10/2004	Gia Lai	31TBN14	9,3	4,3	Không Đạt	
34	28218238730	Nguyễn Phúc Huy	15/07/2004	Đà Nẵng	31TSC16	5,0	2,8	Không Đạt	
35	29214120522	Văn Tiến Huy	05/07/2005	Đắk Lắk	31TYC17	5,3	6,3	Đạt	
36	29206665059	Chúc Thị Huyền	15/02/2005	Thanh Hóa	31TYC17	9,7	5,8	Đạt	
37	28204603877	Lê Nhi Huyền	29/03/2004	Quảng Bình	31CYC9	5,0	5,0	Đạt	
38	29204154889	Lê Thị Thu Huyền	20/08/2005	Hà Tĩnh	31TYC17	10,0	5,0	Đạt	
39	28204533472	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/04/2004	Quảng Nam	31CBN7	7,3	5,5	Đạt	
40	26203535430	Phạm Thị Thanh Huyền	28/01/2002	Quảng Bình	32SHT1	9,0	7,5	Đạt	
41	28216222385	Phạm Thế Kha	10/03/2004	Quảng Trị	31THT18	8,7	5,5	Đạt	
42	29212556180	Nguyễn Khánh	25/06/2005	Phú Yên	31TYC17	8,3	8,5	Đạt	
43	28212301308	Võ Anh Khoa	17/08/2004	Quảng Ngãi	31SSC9	9,0	6,0	Đạt	
44	29212534231	Nguyễn Dương Thanh Lâm	19/12/2005	Quảng Bình	31TYC17	8,3	5,3	Đạt	
45	28212304220	Trần Vũ Lâm	08/05/2004	Kon Tum	31TYC17	8,3	7,5	Đạt	
46	28204603350	Tôn Lê Ngọc Lan	12/10/2004	Quảng Ngãi	31SSC9	7,7	5,0	Đạt	
47	30265280006	Đoàn Nguyễn Khánh Linh	03/07/2000	Quảng Trị	31TBN17	9,7	5,8	Đạt	
48	28206550996	Triệu Thị Thùy Linh	08/09/2004	Đắk Lắk	31CHT10	5,0	5,3	Đạt	
49	29212347934	Ngô Nguyễn Ngọc Luân	18/02/2005	Đắk Lắk	31TSC16	7,3	5,0	Đạt	
50	25217210004	Lê Minh Lưu	19/03/1999	Bình Định	31SSC9	6,7	2,5	Không Đạt	
51	29206646188	Lý Thị Kim Luyến	10/11/2005	Đắk Lắk	31TYC17	9,7	8,8	Đạt	
52	28206751357	Hà Thị Cẩm Ly	08/01/2004	Thừa Thiên H	30TBN8	6,0	4,0	Không Đạt	
53	27207503077	Trịnh Thị Ngọc My	17/11/2003	Thừa Thiên H	31TSC16	9,3	5,5	Đạt	
54	28212351778	Nguyễn Hoài Nam	24/01/2004	Đắk Lắk	31TYC17	8,7	6,0	Đạt	
55	29204557059	Bùi Thị Quỳnh Nga	14/04/2005	Đắk Lắk	31TSC16	6,7	5,5	Đạt	
56	27203138620	Trương Thị Kim Ngọc	27/05/2003	Quảng Nam	31SSC9	8,7	5,0	Đạt	
57	28216647411	Phạm Nguyễn Hoàng Nguyên	12/05/2004	Quảng Nam	31CHT11	5,7	5,5	Đạt	
58	29204653584	Nguyễn Thanh Nhân	28/07/2005	Bình Định	31SSC9	9,0	5,3	Đạt	
59	29207454735	Nguyễn Thị Thanh Nhân	01/09/2005	Đắk Lắk	31TYC17	8,3	6,8	Đạt	
60	29217429721	Lê Thành Nhân	08/05/2005	Đắk Lắk	31TSC16	8,7	7,0	Đạt	
61	29214665464	Trần Lê Đình Nhân	24/11/2005	Quảng Trị	31SSC9	8,3	7,0	Đạt	
62	26205100639	Bùi Thị Yên Nhi	09/07/2002	Quảng Ngãi	31SSC8	7,0	5,3	Đạt	
63	28208038725	Hồ Tuyết Nhi	27/12/2004	Đà Nẵng	31TSC16	4,3	5,3	Không Đạt	
64	28209247999	Mai Quỳnh Như	15/01/2004	Quảng Nam	31TYC17	9,3	6,8	Đạt	
65	27211543044	Huỳnh Ngọc Tấn Phát	18/06/2003	Bình Định	31TBN16	9,7	3,8	Không Đạt	
66	28212703405	Lê Quang Phú	12/01/2004	Quảng Bình	31TSC16	6,0	5,0	Đạt	
67	29218258333	Trương Đình Phú	14/06/2005	Thừa Thiên H	31CHT11	V	V	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28204231759	Lê Thị Huyền	Phuong	01/05/2004	Nghệ An	31CSC10	9,3	4,5	Không Đạt	
69	28218054700	Bùi Hồng	Quân	16/02/2004	Đà Nẵng	31TSC16	4,7	8,5	Không Đạt	
70	28205054946	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	19/02/2003	Quảng Trị	31TYC15	8,7	5,0	Đạt	
71	28204354970	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/08/2004	Nghệ An	31CYC10	5,7	3,6	Không Đạt	
72	28206920331	Nguyễn Võ Tuyết	Quỳnh	16/10/2004	Đà Nẵng	32TBN1	9,3	6,0	Đạt	
73	28204526427	Trương Thị Diễm	Quỳnh	20/09/2004	Đà Nẵng	31TSC16	6,7	4,3	Không Đạt	
74	28209443698	Lê Thị Tuyết	Sang	10/05/2004	Quảng Ngãi	31TYC17	8,0	7,5	Đạt	
75	29212356862	Trần Thanh	Son	24/06/2005	Quảng Ngãi	31SSC9	9,3	5,0	Đạt	
76	29204659076	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh	08/01/2005	Quảng Nam	31TSC16	6,3	5,3	Đạt	
77	27205449668	Huỳnh Vương Phương	Thảo	17/02/2003	Hậu Giang	31TSC16	9,3	3,3	Không Đạt	
78	29206560336	Nguyễn Thu	Thảo	05/05/2005	Bình Định	31TYC17	9,0	5,0	Đạt	
79	29217357988	Bùi Tấn	Thịnh	24/07/2005	Đắk Lắk	31TSC16	9,0	5,3	Đạt	
80	29205257119	Trần Đoàn Minh	Thư	29/03/2005	Quảng Ngãi	31CYC10	8,0	5,5	Đạt	
81	29217357406	Nguyễn Công	Thức	09/02/2005	Quảng Nam	31TSC16	9,0	5,5	Đạt	
82	28206654421	Huỳnh Thị Thu	Thùy	14/01/2004	Đắk Lắk	31SSC9	6,7	5,3	Đạt	
83	28206128947	Lê Quỳnh	Tiên	15/12/2004	Đà Nẵng	31SSC8	6,3	5,0	Đạt	
84	27214338576	Lê Minh	Toàn	29/07/2003	Quảng Nam	31TSC16	7,3	4,3	Không Đạt	
85	28204602698	Ngô Hoàng Thùy	Trâm	23/01/2004	Đà Nẵng	31SSC8	6,7	5,0	Đạt	
86	28204643600	Cao Nguyễn Huyền	Trang	04/05/2004	Quảng Bình	31TYC2	6,3	1,8	Không Đạt	
87	28206606645	Lê Thị Xuân	Trang	25/09/2004	Quảng Ngãi	31SSC9	7,3	4,0	Không Đạt	
88	29204649322	Nguyễn Bùi Khánh	Trang	03/01/2005	Quảng Trị	31TYC17	9,7	3,8	Không Đạt	
89	28206147555	Nguyễn Thị Kiều	Trang	23/06/2004	Bình Định	31SSC8	V	V	Không Đạt	
90	29204620110	Phan Ngọc Phương	Trình	08/04/2005	Quảng Ngãi	31TYC17	7,3	5,3	Đạt	
91	29204664751	Lê Thị Thanh	Tú	31/10/2005	Gia Lai	31SSC9	8,0	4,0	Không Đạt	
92	26211324271	Nguyễn Anh	Tuấn	14/09/2002	Quảng Ngãi	29SHT5	7,0	5,0	Đạt	
93	29217350948	Đinh Sĩ	Tùng	23/09/2005	Đà Nẵng	31TSC16	8,3	6,3	Đạt	
94	29209420777	Trần Thị Thảo	Vân	24/07/1999	Hà Tĩnh	31TSC16	9,3	9,0	Đạt	
95	29206754807	Võ Thị Tường	Vi	10/04/2005	Đà Nẵng	31TSC16	9,3	4,0	Không Đạt	
96	29217353749	Phạm Duy Hoàng	Việt	25/11/2005	Cao Bằng	31TSC16	5,3	5,0	Đạt	
97	29214535764	Nguyễn Phước	Vinh	05/12/2005	Quảng Nam	31TYC17	9,7	8,5	Đạt	
98	29212554251	Phạm Công	Vinh	13/08/2005	Quảng Bình	31TYC17	10,0	8,5	Đạt	
99	28212751849	Lê Trung Tấn	Vũ	14/10/2004	Đà Nẵng	31TYC17	8,7	6,0	Đạt	
100	28205105144	Lê Đình Hạ	Vy	24/11/2004	Đà Nẵng	31TYC17	6,7	5,0	Đạt	
101	28208052750	Lê Thị Phương	Vy	02/01/2002	Đắk Lắk	31TSC16	V	V	Không Đạt	
102	28216606394	Lê Nguyễn Trường	Vỹ	20/06/2004	Thừa Thiên H	31SSC8	6,3	5,0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	29204557061	Trần Thị Phương	Yên	26/11/2005	Quảng Nam	31TSC16	6,7	6,8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh